

Chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020

Nhiều kết quả tích cực

Để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2011 - 2020, Chính phủ đã triển khai thực hiện Đề án đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam. Đề án bắt đầu triển khai vào năm 2013, đến năm 2016 được hoàn thiện lại và đặt ra những yêu cầu chủ yếu cho giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó: (i) Mục tiêu đặt ra là thực hiện tăng trưởng nhanh, hiệu quả, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế; (ii) Phương thức thực hiện theo hướng chú trọng nhiều hơn vào các nhân tố thúc đẩy tăng trưởng theo chiều sâu là hướng chủ đạo, tăng trưởng dựa vào năng suất chất lượng lao động, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tốc độ tăng năng suất bình quân hằng năm cao hơn 5,5%, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 30 - 35%. Cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng chiều sâu, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Mặc dù trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, những yếu tố bất định; nhưng Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tương đối toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 để vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh, vừa duy trì, phát triển các hoạt động kinh tế, xã hội.

1. Các kết quả đạt được

Tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định hơn, chất lượng tăng trưởng được cải thiện tích cực

Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2016 - 2019 khá cao, bình quân 6,8%. Mặc dù năm 2020 kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2016 - 2020 ước đạt khoảng 5,9%¹ và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới. Trong đó, khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt, đóng góp chủ yếu vào mức tăng trưởng chung, với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 lần lượt là 7,3% và 6%; tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ (bao gồm xây dựng) theo giá cơ bản trong GDP tăng từ 73% trong năm 2015 lên khoảng 75,4% vào năm 2020. Quy mô GDP tiếp tục được mở rộng, đến năm 2020 ước đạt 268,4 tỷ USD, tăng khoảng 1,4 lần so với năm 2015; GDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt khoảng 2.750 USD/người, gấp khoảng 1,3 lần so với năm 2015.

Mô hình tăng trưởng dần chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu, chất lượng tăng trưởng được nâng cao

Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng ngày càng cao, tăng từ 13,4% trong năm 2016 lên 16,58% trong năm 2020, trong khi ngành khai khoáng có xu hướng giảm. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị sản phẩm công nghệ cao tăng từ 52% (năm 2016) lên hơn 78% (năm 2020). Năng suất lao động cải thiện rõ nét, đến năm 2020 tăng gần 1,5 lần so với năm 2015, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 5,8%/năm, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (4,3%) và vượt mục tiêu đề ra (5%). Mức đóng góp của TFP tăng cao, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 45,21%, vượt mục tiêu đặt ra (30 - 35%).

1 Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 ước đạt trên 2%, phần đầu đạt khoảng 3%.

Ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo được các cân đối lớn của nền kinh tế. Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định vững chắc, lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội

Giá cả các mặt hàng diễn biến tương đối ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 4%, giảm mạnh so với giai đoạn 2011 - 2015 (7,65%), trong phạm vi mục tiêu đề ra (dưới 4%). Lạm phát cơ bản bình quân được kiểm soát tốt qua các năm, giữ mức tương đối ổn định, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 dự báo đạt 1,81%, giảm mạnh so với giai đoạn 2011 - 2015 là 5,15%. Các cân đối lớn của nền kinh tế về tích lũy - tiêu dùng, tiết kiệm - đầu tư, năng lượng, lương thực, lao động - việc làm... tiếp tục được bảo đảm, góp phần củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô, mức độ chống chịu của nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ tích lũy tài sản so với GDP theo giá hiện hành ước đến năm 2020 khoảng 26,7%.

Kỳ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước (NSNN) được tăng cường. Công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế tiếp tục được chú trọng, góp phần bảo đảm tỷ lệ huy động vào NSNN cơ bản đạt được mục tiêu đề ra. Bội chi và nợ công được kiểm soát, giảm so với giai đoạn trước

Giai đoạn 2016 - 2019, tỷ lệ huy động vào NSNN đạt bình quân 25,5% GDP, cao hơn mức bình quân giai đoạn 2011 - 2015 (23,4% GDP). Giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ huy động vào NSNN ước đạt khoảng 24,5% GDP. Tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu NSNN giai đoạn 2016 - 2020 chiếm khoảng 81,6%², cao hơn so với giai đoạn 2011 - 2015 (68%). Các nhiệm vụ chi cơ bản được thực hiện theo đúng dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm. Trong

2 Năm 2016 là 80,5%, năm 2017 là 80,3%, năm 2018 là 80,7%, năm 2019 là 82,1%, năm 2020 khoảng 84,3% theo đúng định hướng là tăng tỷ trọng thu nội địa.

đó, tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng lên mức 27 - 28%; giảm tỷ trọng chi thường xuyên từ 63 - 65% trong giai đoạn 2011 - 2015 xuống khoảng 62 - 63%; trong khi vẫn thực hiện tăng lương, lương hưu, trợ cấp người có công và các chính sách xã hội khác, ưu tiên các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, quốc phòng, an ninh. Thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công, từng bước tính chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp trong giá dịch vụ theo khả năng của NSNN và thu nhập của người dân.

Bội chi NSNN giai đoạn 2016 - 2019 đạt 3,5% GDP, giảm so với giai đoạn 2011 - 2015 (5,4% GDP), dự kiến năm 2020 bội chi NSNN khoảng 4,99% GDP. Từ năm 2017, nhờ giảm bội chi NSNN, siết chặt quản lý vay và bảo lãnh chính phủ, nợ công bắt đầu giảm. Đến hết năm 2019, tỷ lệ nợ công ước khoảng 55% GDP, nợ chính phủ khoảng 48% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 47,1% GDP, nằm trong giới hạn cho phép tương ứng là không quá 65% GDP; 54% GDP và 50% GDP. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, khả năng thu NSNN sẽ thấp hơn dự kiến, đồng thời các chính sách hỗ trợ cho y tế, sản xuất - kinh doanh và an sinh xã hội sẽ phát sinh thêm yêu cầu tăng chi, dẫn tới tăng bội chi NSNN. Tỷ lệ nợ công dự kiến năm 2020 tăng lên khoảng 56,8% GDP nhưng vẫn góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô và cải thiện hệ số tín nhiệm quốc gia. Đồng thời, trong giai đoạn 2016 - 2020, Nhà nước đã thực hiện cơ cấu lại nợ theo hướng tăng kỳ hạn vay, tăng tỷ trọng các khoản vay trong nước, giảm vay nước ngoài.

Cán cân thương mại được cải thiện chuyển từ thâm hụt sang thặng dư. Xuất khẩu tăng nhanh trong khi nhập khẩu được kiểm chế, hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng nên cán cân thương mại được cải thiện rõ rệt

Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa tăng 1,7 lần, từ 327,8 tỷ USD (năm 2015) lên khoảng 517 tỷ USD (năm 2019) và khoảng 527 tỷ USD (năm 2020), tương đương trên 190% GDP.

Xuất khẩu hàng hóa tăng từ 162 tỷ USD trong năm 2015 lên khoảng 267 tỷ USD trong năm 2020³, tăng bình quân 10,5%/năm giai đoạn 2016 - 2020, là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế. Cán cân xuất - nhập khẩu hàng hóa chuyển từ thâm hụt sang thặng dư cuối kỳ 5 năm⁴, tạo điều kiện cho cán cân thanh toán giữ được trạng thái tích cực, góp phần ổn định các chỉ số kinh tế vĩ mô khác.

Huy động nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội gia tăng, hiệu quả sử dụng dần được nâng cao, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh và đạt kỷ lục

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt gần 9,2 triệu tỷ đồng, bằng 33,5% GDP, đạt mục tiêu bình quân 5 năm (32 - 34%). Cơ cấu đầu tư chuyển dịch tích cực, tỷ trọng đầu tư của khu vực nhà nước giảm, phù hợp với định hướng cơ cấu lại đầu tư công và giảm dần sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, nhất là các lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối. Tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng nhanh, từ 38,3% trong năm 2015 lên khoảng 45,6% trong năm 2020. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng mạnh. Tính chung cả giai đoạn 2016 - 2020, tổng vốn FDI đăng ký đạt khoảng 173 - 174 tỷ USD (năm 2019 đạt kỷ lục là 39 tỷ USD), trong khi đó vốn thực hiện đạt khoảng 92 - 93 tỷ USD (giai đoạn 2011 - 2015, tổng vốn FDI đăng ký đạt khoảng 100,3 tỷ USD, vốn thực hiện đạt gần 60 tỷ USD). Hiệu quả đầu tư cải thiện, hệ số ICOR giai đoạn 2016 - 2019 đạt 6,1 (thấp hơn giai đoạn 2011 - 2015 là 6,3). Tuy nhiên, do tác động

-
- 3 Dưới tác động, ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa năm 2020 tăng khoảng 1%.
 - 4 Mức thặng dư năm 2019 đạt gần 10,87 tỷ USD, cao hơn mức thặng dư năm 2018 (6,83 tỷ USD), gấp hơn 5 lần so với thặng dư năm 2017 (2,11 tỷ USD), gấp 6 lần so với thặng dư năm 2016 (1,78 tỷ USD).

của đại dịch Covid-19, hệ số ICOR năm 2020 tăng và giai đoạn 2016 - 2020 ước khoảng 8,5.

2. Định hướng giai đoạn 2021 - 2025

Quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn một số vấn đề, thách thức.

(i) Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 không đạt kế hoạch đề ra do tác động, ảnh hưởng lớn của dịch Covid-19, dẫn đến tăng trưởng bình quân 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 không đạt mục tiêu đề ra. Mô hình tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào vốn và đầu tư nước ngoài. Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP tăng từ 33% (năm 2016) lên 33,9% (năm 2019) và dự kiến đạt 33,4% (năm 2020), đạt mức cao mục tiêu Quốc hội giao (33 - 34%). Do đó, năng suất lao động tăng chủ yếu do tăng cường độ vốn. Trong khi đó, dư địa để điều hành chính sách kinh tế vĩ mô đã hạn hẹp hơn rất nhiều so với giai đoạn trước năm 2010. Nợ công, nợ chính phủ tương đối cao, làm tăng chi phí trả lãi từ NSNN, cũng như hạn chế khả năng vay nợ mới. Là nước thu nhập trung bình, Việt Nam cũng gặp hạn chế hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài. Tăng trưởng ngày càng phụ thuộc vào khu vực có vốn FDI. Tỷ trọng khu vực có vốn FDI trong GDP tăng từ 15,6% (năm 2011) lên 18,59% (năm 2016) và đạt 20,34% (năm 2019).

(ii) Quá trình cơ cấu lại các ngành kinh tế chưa đạt được kết quả như kỳ vọng. Công nghiệp chế biến, chế tạo chủ yếu hoạt động ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị, tỷ lệ nhập khẩu lớn về nguyên, nhiên liệu, trình độ công nghệ sản xuất vẫn thấp so với thế giới, tỷ lệ nội địa hóa còn ở mức thấp; Sản xuất nông nghiệp vẫn còn manh mún, kinh tế hộ nhỏ lẻ, thị trường tiêu thụ nông sản thiếu ổn định, chất lượng và khả năng cạnh tranh một số mặt hàng còn thấp; ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng chưa bền

vững, ngành du lịch vẫn chưa thể hiện được vai trò chủ đạo trong phát triển, hệ thống phân phối còn nhiều bất cập, chi phí logistics cao hơn mức bình quân toàn cầu.

(iii) Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các kết quả phát triển công nghệ từ nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước cho doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong việc định giá, xác định phương thức chuyển giao để tạo thành sản phẩm, hàng hóa cung cấp cho thị trường. Thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện đổi mới và ứng dụng công nghệ, đặc biệt là các công nghệ tiên tiến theo xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

(iv) Giai đoạn 2021 - 2030, diễn biến tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới và khu vực trong giai đoạn tới sẽ còn phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác hội nhập vẫn là xu thế chủ đạo, nhưng sự cạnh tranh chiến lược và điều chỉnh chính sách đối ngoại của các nước lớn khiến cho việc duy trì hoà bình, ổn định, hợp tác phát triển trong khu vực và trên thế giới gặp nhiều trở ngại, thách thức. Tác động của dịch Covid-19 tới tăng trưởng kinh tế thế giới là nghiêm trọng và có thể kéo dài, tạo ra những rủi ro bất ổn về chính trị - xã hội, cân đối tài chính - tiền tệ. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng kèm theo nhiều thách thức cho tất cả các nền kinh tế. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh đang đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững.

(v) Trong nước, sau gần 35 năm đổi mới, thể và lực của đất nước đã được cải thiện mạnh mẽ. Việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định chính trị, đảm bảo các cân đối vĩ mô vẫn là những yếu tố thuận lợi căn bản, tạo niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn tồn tại, hạn chế và

tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ tụt hậu còn lớn; hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, độ mở nền kinh tế cao, khả năng chống chịu, thích ứng với tác động bên ngoài còn yếu. Già hóa dân số tăng nhanh dẫn đến áp lực lên hệ thống an sinh xã hội và tác động đến tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, các rủi ro về quốc phòng, an ninh cũng là những lực cản cho phát triển kinh tế, tạo sức ép lớn về tài chính - ngân sách.

Trong bối cảnh đó, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 đặt ra mục tiêu là đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của 5 năm 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm khoảng 6,5 - 7%; GDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 4.700 - 5.000 USD; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP; đóng góp của TFP vào tăng trưởng đến năm 2025 đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32 - 34% GDP; tỷ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025 đạt 15 - 16% GDP; nợ công giảm dần, đến năm 2025 khoảng 47,5% GDP, nợ Chính phủ đến năm 2025 khoảng 43,8% GDP; bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 bình quân 3,7% GDP; đến năm 2025 là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện các giải pháp khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, nhanh chóng phục hồi kinh tế.

Do vậy, để đảm bảo thực hiện được các mục tiêu kinh tế trong giai đoạn 2021 - 2025 hiệu quả cần phải chú trọng đến các định hướng sau:

(i) Tiếp tục tập trung thực hiện “mục tiêu kép” trong những năm đầu của giai đoạn 2021 - 2025 khi còn dịch Covid-19, tuyệt đối không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, thực hiện hiệu quả công tác phòng và chống dịch. Đồng thời, các biện pháp phòng, chống dịch cần được xây dựng trên cơ sở tính toán kỹ lưỡng, hạn chế được tối đa tác động tiêu cực đến các hoạt động kinh tế - xã hội.

(ii) Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Trong đó tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để hoàn thiện cơ bản các yếu tố cấu thành thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.

(iii) Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nền kinh tế số. Trong đó tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hóa số; y tế; giáo dục và đào tạo. Xây dựng nền kinh tế tự chủ, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Đồng thời, tiếp tục cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm như: (1) Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công theo hướng giảm đầu tư công trong cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó tập trung vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công - tư, giữ vững vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng,

miền; (2) Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng, hỗ trợ tiến trình cơ cấu lại các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu. Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng các tổ chức tín dụng trong nước đóng vai trò chủ lực, hướng tới đạt trình độ phát triển của nhóm 4 nước dẫn đầu khu vực ASEAN vào năm 2025; (3) Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung giữ vững những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng về quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư.

(iv) Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế. Thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước. Các nguồn lực của nền kinh tế phải được kiểm kê, đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ, đúng đắn để quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả và bền vững. Áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng và phân bổ các nguồn lực. Khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, hệ thống chính sách, pháp luật cần tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch, thông thoáng. Chuyển trọng điểm chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng, ưu tiên các dự án tạo giá trị gia tăng cao, có mô hình quản trị hiện đại, kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu, có tác động lan tỏa, kết nối chặt chẽ với khu vực kinh tế trong nước.

(v) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng. Bên cạnh đó, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công

nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đinh Ngọc Linh - Hoàng Như Quỳnh

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và 5 năm 2016 - 2020; dự kiến kế hoạch năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2021 - 2025.
2. Nghị quyết số 24/2016/QH14 về cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020.
3. Nghị quyết số 142/2016/QH13, ngày 12/4/2016 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.